

Số: 17 /2021/TT-BYT

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2021

THÔNG TƯ

Hướng dẫn tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới bao gồm: Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu.

Điều 3. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu

1. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường bộ được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường sắt được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường hàng không được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.
4. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường thủy được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.
5. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất và trang thiết bị thiết yếu trong Thông tư này được quy định cho cửa khẩu theo loại hình và quy mô cửa khẩu. Trường hợp có dịch bệnh truyền nhiễm, tổ chức kiểm dịch y tế biên giới đề xuất, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị để bảo đảm công tác phòng chống dịch theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị liên quan trên địa bàn phối hợp với tổ chức kiểm dịch y tế biên giới thực hiện việc kiểm dịch y tế theo quy định;

b) Bảo đảm các điều kiện cho tổ chức kiểm dịch y tế biên giới triển khai hoạt động.

2. Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, định mức, bố trí, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm hoạt động kiểm dịch y tế theo quy định.

3. Trưởng Ban quản lý cửa khẩu, giám đốc cảng vụ, trưởng ga hoặc người đứng đầu đơn vị được giao phụ trách quản lý cơ sở vật chất tại cửa khẩu có trách nhiệm bố trí, bảo đảm về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu.

4. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới có trách nhiệm:

a) Xây dựng danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp tại cửa khẩu trên địa bàn phụ trách để phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế thường xuyên và trong trường hợp có dịch làm căn cứ đầu tư, mua sắm theo quy định;

b) Lập kế hoạch, dự toán kinh phí và đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm hoạt động kiểm dịch y tế theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Y tế dự phòng có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo văn xã, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Trung tâm KĐYTQT, Kiểm soát bệnh tật;
- Công thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Các Viện VSDT/Pasteur;
- Lưu: VT, PC, DP (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1
Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường bộ (tính cho 01 cửa khẩu)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2021/TT-BYT ngày 09/ 11/2021 của Bộ Y tế)

I. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế ¹	Cửa khẩu chính/phụ ¹	Lối mở ¹		
A	Nhóm hành chính điều hành						
1	Trụ sở làm việc tại khu vực cửa khẩu						
1.1	Phòng họp	Phòng	01/ 50	01/ 30		Phục vụ công tác giao ban, trao đổi chuyên môn, phân công công việc hàng ngày của nhân viên kiểm dịch y tế và lưu trữ hồ sơ, trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế	Phòng	04/ 20	02/ 15	01/ 15	Phục vụ cho kiểm dịch viên y tế lưu trú tại khu vực cửa khẩu trong khi làm nhiệm vụ	Áp dụng đối với các cửa khẩu xa trung tâm hành chính hoặc có yêu cầu làm việc thường xuyên tại cửa khẩu

¹ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền.

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế ¹	Cửa khẩu chính/phụ ¹	Lối mở ¹		
1.3	Kho hóa chất	Phòng	01/ 15	01/ 15		Phục vụ chứa hóa chất phục vụ xử lý y tế	
1.4	Kho/ phòng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ	Phòng	01/ 15	01/ 15		Phục vụ chứa các trang thiết bị, lưu trữ hồ sơ phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	Có thể tách thành 2 kho/ phòng riêng biệt
2	Phòng hành chính tại cửa khẩu	Phòng	01/ 20	01/ 15	01/ 10	Phục vụ công tác trao đổi trực tiếp với người khai báo kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	Đặt tại khu liên hợp hoặc vị trí thuận tiện
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn						
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định	Khu vực	04/ 04	02/ 04		Phục vụ đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Đặt trước khu vực làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh
4	Phòng khám sàng lọc tại cửa khẩu	Phòng	02/ 20	01/ 20	01/ 15	Phục vụ công tác khám sàng lọc, tiêm chủng, lấy mẫu xét nghiệm các trường hợp nghi ngờ được phát hiện tại cửa khẩu và làm một số xét nghiệm nhanh	Trường hợp không tổ chức tiêm chủng, diện tích tối thiểu 15 m ²
5	Phòng cách ly y tế tạm thời	Phòng	02/ 20	01/ 15		Phục vụ cách ly tạm thời người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế ¹	Cửa khẩu chính/phụ ¹	Lối mở ¹		
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)	Khu vực	Theo số lượng người cần cách ly thực tế	Theo số lượng người cần cách ly thực tế		Phục vụ cách ly tạm thời người đi cùng với người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc trong trường hợp có số lượng phải cách ly tạm thời vượt quá số lượng của Phòng cách ly tạm thời	Sử dụng các cột và dây cảnh báo để thiết lập khu vực cách ly tạm thời khi phải cách ly tạm thời số lượng lớn
7	Phòng xử lý y tế	Phòng	01/ 20	01/ 15		Phục vụ công tác xử lý y tế với hàng hóa khối lượng nhỏ khi có nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	
8	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế (đối với phương tiện, hàng hóa)	Khu vực	01/ 100	01/ 50		Phục vụ công tác xử lý y tế các phương tiện vận tải và hàng hóa có khối lượng lớn khi có nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	Có thể dùng chung với khu xử lý của cửa khẩu

II. Tiêu chuẩn trang thiết bị

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
A	Nhóm hành chính điều hành						
1	Tại trụ sở làm việc khu vực cửa khẩu						
1.1	Phòng giao ban						
	Trang thiết bị cố định						
1.1.1	Bàn ghế	Bộ				Phục vụ họp, dùng chung cho kiểm dịch viên y tế tại cửa khẩu	Tối thiểu 20 người ngồi
1.1.2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc					Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu
1.1.3	Giá đựng công văn đi, đến	Chiếc					Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu
1.1.4	Văn phòng phẩm cần thiết khác						Theo nhu cầu thực tế
1.1.5	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	01	01		Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
1.1.6	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	01	01			
1.1.7	Đường truyền internet	Đường truyền	01	01			Cáp quang tối thiểu 40 MB/s

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
1.1.8	Thiết bị họp trực tuyến (màn hình, loa, micro, máy vi tính có tích hợp phần mềm họp trực tuyến)	Bộ	01	01			Phục vụ họp trực tuyến đối với các cửa khẩu ở xa trung tâm
1.1.9	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02	01			Phù hợp với diện tích phòng làm việc
1.1.10	Bànghê ca, quạt điện, phích nước, kết sắt ...						Theo nhu cầu thực tế
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế (tính cho một phòng)						
	Trang thiết bị cố định						
1.2.1	Giường đơn	Chiếc	02 - 04	02 - 04	02	Phục vụ kiểm dịch viên y tế lưu trú tại cửa khẩu	
1.2.2	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	01	01	01		Phù hợp với diện tích phòng
1.2.3	Tủ đựng quần áo	Chiếc	04	04	02		Theo nhu cầu thực tế
1.2.4	Quạt điện, phích nước, ...						Theo nhu cầu thực tế
1.3	Kho đựng hóa chất						
	Trang thiết bị cố định						
1.3.1	Giá đựng hóa chất	Bộ	01	01			
1.4	Kho/ phòng đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ					Có thể tách thành 2 kho/ phòng riêng biệt	
	Trang thiết bị cố định						

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
1.4.1	Giá đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ	Bộ	01	01			
2	Phòng/khu làm việc hành chính tại cửa khẩu						
a)	Trang thiết bị cố định						
2.1	Bàn ghế	Bộ	04	02	02	Phục vụ kiểm dịch viên y tế	
2.2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	04	02	01		
2.3	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	03	02	01	Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
2.4	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	03	02	01		
2.5	Điện thoại cố định/ di động	Chiếc	01	01	01		
2.6	Máy fax	Chiếc	01	01	01		
2.7	Máy phô tô	Chiếc	01	01	01		
2.8	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	01	01	01		Phù hợp với diện tích phòng
2.9	Ghế băng	Chiếc	10	05	03	Phục vụ hành khách chờ làm thủ tục	
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
2.10	Khẩu trang y tế	Chiếc					
2.11	Khẩu trang chuyên dụng ngăn vi rút	Chiếc					

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
c)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: internet, quạt điện, phích nước, máy lọc nước uống ...						Theo nhu cầu thực tế
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn						
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định						
	Trang thiết bị cố định						
3.1	Giá treo máy	Chiếc	02	02			
3.2	Quầy quây chân máy (nếu có)	Chiếc	02	02			
3.3	Bàn, ghế làm việc	Bộ	02	01			
4	Phòng khám sàng lọc tại cửa khẩu						
a)	Trang thiết bị cố định						
4.1	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	01	01		Kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
4.2	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	01	01			
4.3	Bàn ghế	Bộ	01	01	01	Trang thiết bị dùng chung	
4.4	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02	02	01		
4.5	Đèn khử khuẩn	Chiếc	01	01	01		
4.6	Ti vi truyền thông	Chiếc	01	01			

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
4.7	Ghế băng	Chiếc	05	05	02	Phục vụ bệnh nhân trong lúc khám sàng lọc hoặc sơ cứu	
4.8	Giường bệnh	Chiếc	04	02	01		
4.9	Tủ đầu giường	Chiếc	04	02	01		
4.10	Cáng bệnh nhân	Chiếc	02	02			
4.11	Cáng cách ly	Chiếc	02	01			
4.12	Cân bàn (loại có thước đo chiều cao)	Chiếc	01	01	01		
4.13	Xe lăn	Chiếc	02	02		Phục vụ sơ cứu ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
4.14	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	02	02			
4.15	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02	02			
4.16	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và trang thiết bị kèm theo	Bộ	02	02	01		
4.17	Khay Inox 15 cm x 20 cm	Chiếc	02	02			
4.18	Khay quả đậu Inox nhỏ	Chiếc	02	02			
4.19	Hộp Inox đựng bông cotton	Chiếc	02	02			
4.20	Búa phản xạ	Chiếc	02	02			
4.21	Panh mũi	Chiếc	02	02			
4.22	Kẹp có máu	Chiếc	02	02			

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
4.23	Kéo cong	Chiếc	02	02			
4.24	Kéo thẳng	Chiếc	02	02			
4.25	Panh cong	Chiếc	02	02			
4.26	Panh thẳng	Chiếc	02	02			
4.27	Kẹp Inox	Chiếc	02	02			
4.28	Lọ inox đựng panh, kéo	Chiếc	02	02			
4.29	Huyết áp kế người lớn (bao gồm ống nghe)	Bộ	02	02	01	Phục vụ khám sàng lọc các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu	
4.30	Huyết áp kế trẻ em (bao gồm ống nghe)	Bộ	02	02	01		
4.31	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc	10	05	03		
4.32	Nhiệt kế điện tử y học cầm tay	Chiếc	10	05	03		
4.33	Hòm lạnh giữ mẫu bệnh phẩm	Chiếc	01	01			
4.34	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	02	02		Phục vụ khử trùng dụng cụ	
4.35	Máy phân tích nước đa thông số	Chiếc	01	01		Phục vụ xét nghiệm nhanh phục vụ giám sát vệ sinh thực phẩm tại cửa khẩu	
4.36	Máy phân tích hóa sinh nhanh	Chiếc	01	01			
4.37	Máy phân tích thực phẩm nhanh	Chiếc	01	01			
4.38	Bộ xét nghiệm thực phẩm nhanh	Bộ	01				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
4.39	Đề lưỡi tiệt trùng	Hộp	20	20		Phục vụ khám sàng lọc các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu	
4.40	Găng tay cao su	Đôi					
4.41	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc	02	02			
4.42	Áo Blouse	Chiếc	05	03	02		
4.43	Khẩu trang y tế các loại	Chiếc					
4.44	Bình ô xy di động	Chiếc	04	02	02		
4.45	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc					
4.46	Bộ dụng cụ lấy mẫu bệnh phẩm	Bộ	02	02			
4.47	Dụng cụ chứa chất thải y tế	Chiếc	03	02			
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước,...						Theo nhu cầu thực tế
5	Phòng cách ly y tế tạm thời						
a)	Trang thiết bị cố định						
5.1	Bàn ghế	Bộ	01	01	01	Các trang thiết bị dùng chung	
5.2	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02	02	01		
5.3	Màn hình truyền thông	Chiếc	02	01	01		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
5.4	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	01	01	01	Phục vụ xử lý y tế ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
5.5	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02	02	01		
5.6	Giường bệnh	Chiếc	05	03	01		
5.7	Tủ đầu giường	Chiếc	05	03	01		
5.8	Đèn khử khuẩn	Chiếc	02	02		Phục vụ khử trùng phòng cách ly y tế	
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
5.9	Bình ô xy di động	Chiếc	04	02	02	Phục vụ xử lý y tế ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
5.10	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc	04	02	02		
5.11	Dụng cụ chứa chất thải của người bệnh	Chiếc	04	02			
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước, máy lọc nước uống ...						Theo nhu cầu thực tế

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)						
a)	Trang thiết bị cố định						
6.1	Ghế băng	Chiếc	50	10	05	Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.2	Màn hình truyền thông	Chiếc	02	01	01		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
6.3	Cột dựng hàng rào thiết lập khu cách ly tạm thời	Cột	300	300	100	Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.4	Dây băng cảnh báo	m	600	600	200		
6.5	Lều dã chiến	Cái/ m ²	02/ 20 - 25	02/ 20 - 25			
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, quạt điện, máy lọc nước uống ...						Theo nhu cầu thực tế
7	Phòng xử lý y tế						
a)	Trang thiết bị cố định						
7.1	Đèn tử ngoại diệt trùng	Cái	05	03	01	Phục vụ khử trùng	
7.2	Khay khử khuẩn (0,5m x 1m)	Chiếc	20	20	20		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
7.3	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	10	05	02	Dùng cho nhân viên y tế	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
7.4	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc					
8	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế						
a)	Trang thiết bị cố định						
8.1	Hệ thống phun hóa chất khử khuẩn tự động đặt cố định	Hệ thống	01	01		Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
8.2	Máy phun hóa chất khử khuẩn đeo vai	Chiếc	04	02	01		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
8.3	Cột dựng hàng rào thiết lập khu xử lý y tế	Cột	50	30	20	Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
8.4	Dây băng cảnh báo	m	100	60	40		
8.5	Biển cảnh báo	Chiếc	10	06	02		
8.6	Bạt lót gom nước xử lý y tế phương tiện vận chuyển người bệnh	Cái/ m ²	02/ 20	02/ 20			
9	Trang thiết bị phục vụ giám sát, khai báo y tế, kiểm tra y tế						
A	Đối với người						
	Trang thiết bị cố định						
9.1	Máy đo thân nhiệt từ xa cố định	Hệ	03	03		Phục vụ giám sát thân nhiệt	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
		thống				hành khách	
9.2	Máy đo thân nhiệt từ xa lưu động	Hệ thống	02	02			
9.3	Máy đo thân nhiệt từ xa cầm tay	Chiếc	5	5	02		
9.4	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc	10	05	03		
9.5	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	08	04		Phục vụ khách nhập cảnh khai báo y tế khi có yêu cầu của Bộ Y tế	Trường hợp không sử dụng thường xuyên, có thể áp dụng hình thức mua hoặc thuê khi cần thiết
9.6	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	04	02			
9.7	Máy quét	Chiếc	04	02			
9.8	Máy tính bảng	Chiếc	04	02			
9.9	Hệ thống tích hợp quét tờ khai y tế và hộ chiếu	Bộ	02 - 04			Áp dụng cửa khẩu có lưu lượng hành khách lớn	
B	Đối với hàng hóa, phương tiện vận tải						
	Trang thiết bị cố định						
9.10	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	04	03	02	Giám sát điều kiện vệ sinh	
9.11	Đèn pin	Chiếc	04	03	02		
C	Giám sát côn trùng (muỗi, bọ gậy, ...)						
	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
9.12	Bẫy muỗi	Chiếc	20	10		Giám sát muỗi, bọ gậy	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
9.13	Bộ dụng cụ điều tra côn trùng	Bộ	04	02			
D	Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét						
a)	Trang thiết bị cố định						
9.14	Bẫy chuột	Chiếc	110	110		Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm	10 bẫy dự phòng
9.15	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	05	05			
9.16	Đèn pin	Chiếc	05	05			
9.17	Thau chải bọ chét (đường kính 0,5 m)	Cái	04	04			
9.18	Khay Inox mổ chuột (kích thước 0,5 x 0,3m)	Cái	05	05			
9.19	Panh	Chiếc	05	05			
9.20	Kéo	Chiếc	02	02			
9.21	Dao mổ	Chiếc	02	02			
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
9.22	Túi vải đựng chuột	Chiếc	45	45		Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm	
9.23	Găng tay cao su	Đôi					
9.24	Bàn chải bắt bọ chét	Chiếc	10	10			
9.25	Ống hút bọ chét	Chiếc	01	01			

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính/ phụ	Lối mở		
10	Phương tiện truyền thông khu vực công cộng						
a)	Trang thiết bị cố định						
10.1	Bảng truyền điện tử	Bộ	10	04	01	Phục vụ truyền thông cho hành khách qua cửa khẩu	
10.2	Bảng điện tử chạy chữ	Bộ	04	02	01		
10.3	Loa cầm tay	Chiếc	02	02	01		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
10.4	Poster	Chiếc	06	04	02		
11	Trang thiết bị khử khuẩn/điệt côn trùng dùng chung khu vực cửa khẩu						
	Trang thiết bị cố định						
11.1	Máy phun hóa chất khử khuẩn cỡ lớn đặt trên ô tô	Chiếc	01	01		Phục vụ khử khuẩn/ diệt côn trùng dùng chung trong khu vực cửa khẩu	Đặt tại Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới, các cửa khẩu dùng chung
11.2	Ô tô chuyên dụng đặt máy phun hóa chất cỡ lớn	Chiếc	01	01			
11.3	Máy phun hóa chất đeo vai	Chiếc	05	02	01		
11.4	Bình phun hóa chất bơm tay	Chiếc	02	01			
11.5	Máy phun sương mù nóng	Chiếc	01	01			

Phụ lục 2**Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường sắt (tính cho 01 cửa khẩu)***(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2021/TT-BYT ngày 09/11/2021 của Bộ Y tế)***I. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
A	Nhóm hành chính điều hành				
1	Trụ sở làm việc tại khu vực cửa khẩu				
1.1	Phòng họp	Phòng	01/ 30	Phục vụ công tác giao ban, trao đổi chuyên môn, phân công công việc hàng ngày của nhân viên kiểm dịch y tế và lưu trữ hồ sơ, trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế	Phòng	02/ 15	Phục vụ cho kiểm dịch viên y tế lưu trú tại khu vực cửa khẩu trong khi làm nhiệm vụ	Đối với các cửa khẩu xa trung tâm hành chính hoặc do yêu cầu làm việc thường xuyên tại cửa khẩu
1.3	Kho hóa chất	Phòng	01/ 15	Phục vụ chứa hóa chất phục vụ xử lý y tế	
1.4	Kho, phòng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ	Phòng	01/ 15	Phục vụ chứa các trang thiết bị, lưu trữ hồ sơ phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	Có thể tách thành 2 kho/phòng riêng biệt
2	Phòng hành chính tại cửa khẩu	Phòng	01/ 15	Phục vụ công tác trao đổi trực tiếp với người khai báo kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	Đặt tại khu liên hợp

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Ghi chú
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn				
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định	Khu vực	02/ 4	Phục vụ đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.	Đặt trước khu vực làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh
4	Phòng/buồng khám sàng lọc tại cửa khẩu	Phòng	01/20	Phục vụ công tác khám sàng lọc, tiêm chủng, lấy mẫu xét nghiệm các trường hợp nghi ngờ được phát hiện tại cửa khẩu và làm một số xét nghiệm nhanh	01 phòng cho chiều nhập và 01 phòng cho chiều xuất đối với cửa khẩu quốc tế
5	Phòng cách ly y tế tạm thời	Phòng	01/15	Phục vụ cách ly tạm thời người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	01 phòng cho chiều nhập và 01 phòng cho chiều xuất
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)	Khu vực	Theo số lượng người cần cách ly thực tế	Phục vụ cách ly tạm thời người đi cùng với người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc trong trường hợp có số lượng phải cách ly tạm thời vượt quá số lượng của Phòng cách ly tạm thời	Sử dụng các cột và dây cảnh báo để thiết lập khu vực cách ly tạm thời khi phải cách ly tạm thời số lượng lớn
7	Phòng xử lý y tế	Phòng	01/15	Phục vụ công tác xử lý y tế với hàng hóa khối lượng nhỏ khi có nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	
8	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế (đối với phương tiện, hàng hóa)	Khu vực	01/50	Phục vụ công tác xử lý y tế các phương tiện vận tải và hàng hóa có khối lượng lớn khi có nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	Có thể dùng chung với khu xử lý của cửa khẩu

II. Tiêu chuẩn trang thiết bị

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
A	Nhóm hành chính điều hành				
1	Tại trụ sở làm việc khu vực cửa khẩu				
1.1	Phòng giao ban				
a)	Trang thiết bị cố định				
1.1.1	<i>Bàn ghế</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>	<i>Phục vụ họp, dùng chung cho kiểm dịch viên y tế tại cửa khẩu</i>	<i>Tối thiểu 20 người ngồi</i>
1.1.2	<i>Tủ đựng tài liệu</i>	<i>Chiếc</i>	<i>02</i>		<i>Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu</i>
1.1.3	<i>Giá đựng công văn đi, đến</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>		<i>Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu</i>
1.1.4	<i>Máy vi tính để bàn/ xách tay</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>	<i>Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu</i>	
1.1.5	<i>Máy in màu/ đen trắng</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>		
1.1.6	<i>Đường truyền internet</i>	<i>Đường truyền</i>	<i>01</i>		<i>Cáp quang tối thiểu 40MB/s</i>
1.1.7	<i>Thiết bị họp trực tuyến (màn hình, loa, micro, máy vi tính có tích hợp phần mềm họp trực tuyến)</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>	<i>Phục vụ họp trực tuyến đối với các cửa khẩu ở xa trung tâm.</i>	
1.1.8	<i>Máy điều hòa nhiệt độ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>		<i>Phù hợp với diện tích phòng làm việc</i>

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
b)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: bảng mê ca, quạt điện, phích nước, két sắt ...				Theo nhu cầu thực tế
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế (tính cho một phòng)				
a)	Trang thiết bị cố định				
1.2.1	<i>Giường đơn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>02-04</i>	<i>Phục vụ kiểm dịch viên y tế lưu trú tại cửa khẩu</i>	
1.2.2	<i>Máy điều hòa nhiệt độ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>		<i>Phù hợp với diện tích phòng</i>
1.2.3	<i>Tủ đựng quần áo</i>	<i>Chiếc</i>	<i>04</i>		<i>Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên trực tại cửa khẩu</i>
b)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: quạt điện, phích nước, ...				Theo nhu cầu thực tế
1.3	Kho đựng hóa chất				
	Trang thiết bị cố định				
1.3.1	<i>Giá đựng hóa chất</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>		
1.4	Kho/ phòng đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ				
	Trang thiết bị cố định				
1.4.1	<i>Giá đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
2	Phòng làm việc hành chính tại cửa khẩu				
a)	Trang thiết bị cố định				
2.1	Bàn ghế	Bộ	02	Phục vụ kiểm dịch viên y tế	
2.2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	02		
2.3	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	02	Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
2.4	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	02		
2.5	Điện thoại cố định/ di động	Chiếc	01		
2.6	Máy fax	Chiếc	01		
2.7	Máy phô tô	Chiếc	01		
2.8	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	01		Phù hợp với diện tích phòng
2.9	Ghế băng	Chiếc	05	Phục vụ hành khách chờ làm thủ tục	
b)	Vật tư tiêu hao				Theo nhu cầu thực tế
2.10	Khẩu trang y tế	Chiếc			
2.11	Khẩu trang chuyên dụng ngăn vi rút	Chiếc			
c)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: internet, quạt điện, phích nước, máy lọc nước uống ...				Theo nhu cầu thực tế

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn				
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định				
	Trang thiết bị cố định				
3.1	Giá treo máy	Chiếc	02		
3.2	Quầy quây chân máy (nếu có)	Chiếc	02		
3.3	Bàn, ghế làm việc	Bộ	01		
4	Phòng/buồng khám sàng lọc tại cửa khẩu				
a)	Trang thiết bị cố định				
4.1	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	01	Kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
4.2	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	01		
4.3	Bàn ghế	Bộ	01	Trang thiết bị dùng chung	
4.4	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02		
4.5	Đèn khử khuẩn	Chiếc	01		
4.6	Ti vi truyền thông	Chiếc	01		
4.7	Ghế băng	Chiếc	05	Phục vụ bệnh nhân trong lúc khám sàng lọc hoặc sơ cứu	
4.8	Giường bệnh	Chiếc	02		
4.9	Tủ đầu giường	Chiếc	02		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
4.10	Cáng bệnh nhân	Chiếc	02		
4.11	Cáng cách ly	Chiếc	01		
4.12	Cân bàn (loại có thước đo chiều cao)	Chiếc	01		
4.13	Xe lăn	Chiếc	02		
4.14	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	02	Phục vụ sơ cứu ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
4.15	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02		
4.16	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và trang thiết bị kèm theo	Bộ	02		
4.17	Huyết áp kế người lớn (bao gồm ống nghe)	Bộ			
4.18	Huyết áp kế trẻ em (bao gồm ống nghe)	Bộ			
4.19	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc			
4.20	Nhiệt kế điện tử y học cầm tay	Chiếc			
4.21	Khay Inox 15 cm x 20 cm	Chiếc	02		
4.22	Khay quả đậu Inox nhỏ	Chiếc	02		
4.23	Hộp Inox đựng bông cotton	Chiếc	02		
4.24	Búa phản xạ	Chiếc	02		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
4.25	Panh mũi	Chiếc	02		
4.26	Kẹp có máu	Chiếc	02		
4.27	Kéo cong	Chiếc	02		
4.28	Kéo thẳng	Chiếc	02		
4.29	Panh cong	Chiếc	02		
4.30	Panh thẳng	Chiếc	02		
4.31	Kẹp Inox	Chiếc	02		
4.32	Lọ inox đựng panh, kéo	Chiếc	02		
4.33	Hòm lạnh giữ mẫu bệnh phẩm	Chiếc	01	Phục vụ lưu trữ bệnh phẩm tạm thời	
4.34	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	02	Phục vụ khử trùng dụng cụ	
b)	Vật tư tiêu hao				Theo nhu cầu thực tế
4.34	Đè lưới tiệt trùng	Hộp		Phục vụ khám sàng lọc các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu	
4.35	Găng tay cao su	Đôi			
4.36	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc			
4.37	Áo Blouse	Chiếc			
4.38	Khẩu trang y tế	Chiếc			
4.39	Khẩu trang chuyên dụng ngừa vi rút	Chiếc			

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
4.40	Bình ô xy di động	Chiếc			
4.41	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc			
4.42	Bộ dụng cụ lấy mẫu bệnh phẩm	Bộ			
4.43	Dụng cụ chứa chất thải y tế	Chiếc			
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước, ...				Theo nhu cầu thực tế
5	Phòng cách ly y tế tạm thời				
a)	Trang thiết bị cố định				
5.1	Bàn ghế	Bộ	01	Các trang thiết bị dùng chung	
5.2	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02		
5.3	Màn hình truyền thông	Chiếc	01		
5.4	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	01	Phục vụ xử lý y tế ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
5.5	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02		
5.6	Giường bệnh	Chiếc	03		
5.7	Tủ đầu giường	Chiếc	03		
b)	Vật tư tiêu hao				Theo nhu cầu thực tế

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
5.8	Bình ô xy di động	Chiếc		Phục vụ xử lý y tế ban đầu đối với bệnh	
5.9	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc			
5.10	Dụng cụ chứa chất thải của người bệnh	Chiếc			
5.11	Đèn khử khuẩn	Chiếc			
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước, máy lọc nước uống ...				Theo nhu cầu thực tế
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)				
a)	Trang thiết bị cố định				
6.1	Ghế băng	Chiếc	10	Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.2	Màn hình truyền thông	Chiếc	01		
b)	Vật tư tiêu hao				
6.3	Cột dựng hàng rào thiết lập khu cách ly tạm thời	Cột	300	Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.4	Dây băng cảnh báo	m	600		
6.5	Lều dã chiến	Cái/ m ²	02/ 20 - 25 m ²		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
6.6	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, quạt điện, máy lọc nước uống ...				Theo nhu cầu thực tế
7	Phòng xử lý y tế				
a)	Trang thiết bị cố định				
7.1	Đèn tử ngoại tiệt trùng	Cái	03	Phục vụ khử trùng	
7.2	Khay khử khuẩn (0,5m x 1m)	Chiếc	20		
b)	Vật tư tiêu hao				Theo nhu cầu thực tế
7.3	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc		Dùng cho nhân viên y tế	
7.4	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ			
8	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế				
a)	Trang thiết bị cố định				
8.1	Hệ thống phun hóa chất khử khuẩn tự động đặt cố định	Hệ thống	01	Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
8.2	Máy phun hóa chất khử khuẩn đeo vai	Chiếc	02		
b)	Vật tư tiêu hao			Theo nhu cầu thực tế	
8.3	Cột dựng hàng rào thiết lập khu xử lý y tế	Cột	30	Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
8.4	Dây băng cảnh báo	m	60		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
8.5	Biển cảnh báo	Chiếc	06		
8.6	Bạt lót gom nước xử lý y tế phương tiện vận chuyển người bệnh	Cái/ m ²	02/ 20		
9	Trang thiết bị phục vụ giám sát, khai báo y tế, kiểm tra y tế				
A	Đối với người				
	Trang thiết bị cố định				
9.1	Máy đo thân nhiệt từ xa cố định	Hệ thống	03	Phục vụ giám sát thân nhiệt hành khách	
9.2	Máy đo thân nhiệt từ xa lưu động	Hệ thống	02		
9.3	Máy đo thân nhiệt từ xa cầm tay	Chiếc	5		
9.4	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc	05		
9.5	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	04	Phục vụ khách nhập cảnh khai báo y tế khi có yêu cầu của Bộ Y tế	Không sử dụng thường xuyên, có thể áp dụng hình thức mua hoặc thuê khi cần thiết
9.6	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	02		
9.7	Máy quét	Chiếc	02		
9.8	Máy tính bảng	Chiếc	02		
B	Đối với hàng hóa, phương tiện vận tải				
	Trang thiết bị cố định				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú		
9.9	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	03	Giám sát điều kiện vệ sinh			
9.10	Đèn pin	Chiếc	03				
C	Giám sát côn trùng (muỗi, bọ gậy, ...)						
	Vật tư tiêu hao						
9.11	Bẫy muỗi	Chiếc	10	Giám sát muỗi, bọ gậy			
9.12	Bộ dụng cụ điều tra côn trùng	Bộ	02				
D	Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét						
a)	Trang thiết bị cố định						
9.13	Bẫy chuột	Chiếc	110	Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm	10 bẫy dự phòng		
9.14	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	05				
9.15	Đèn pin	Chiếc	05				
9.16	Thau chải bọ chét (đường kính 0,5 m)	Cái	04				
9.17	Khay Inox mổ chuột (kích thước 0,5 x 0,3m)	Cái	05				
9.18	Panh	Chiếc	05				
9.19	Kéo	Chiếc	02				
9.20	Dao mổ	Chiếc	02				
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
9.21	Túi vải đựng chuột	Chiếc		Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm	
9.22	Găng tay cao su	Đôi			
9.23	Bàn chải bắt bọ chét	Chiếc			
9.24	Ống hút bọ chét	Chiếc			
10	Phương tiện truyền thông				
a)	Trang thiết bị cố định				
10.1	Bảng truyền thông điện tử	Bộ	04	Phục vụ truyền thông cho hành khách qua cửa khẩu	
10.2	Bảng điện tử chạy chữ	Bộ	02		
10.3	Loa cầm tay	Chiếc	02		
b)	Vật tư tiêu hao				Theo nhu cầu thực tế
10.4	Poster	Chiếc	04		
11	Trang thiết bị khử khuẩn/ diệt côn trùng dùng chung khu vực cửa khẩu				
	Trang thiết bị cố định				
11.1	Máy phun hóa chất khử khuẩn cỡ lớn đặt trên ô tô	Chiếc	01	Phục vụ khử khuẩn/ diệt côn trùng dùng chung trong khu vực cửa khẩu	Đặt tại Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới, các cửa khẩu dùng chung
11.2	Ô tô chuyên dụng đặt máy phun hóa chất cỡ lớn	Chiếc	01		
11.3	Máy phun hóa chất đeo vai	Chiếc	02		
11.4	Bình phun hóa chất bơm tay	Chiếc	01		
11.5	Máy phun sương mù nóng	Chiếc	01		

Phụ lục 3**Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường hàng không (tính cho 01 cửa khẩu)***(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2021/TT-BYT ngày 09/11/2021 của Bộ Y tế)***I. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất**

ST T	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng / Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I ¹	Cấp độ II ²	Cấp độ III ³		
A	Nhóm hành chính điều hành						
1	Trụ sở làm việc tại khu vực cửa khẩu	Phòng					
1.1	Phòng họp		01/ 50	01/ 20		Phục vụ công tác giao ban, trao đổi chuyên môn, phân công công việc hàng ngày của nhân viên kiểm dịch y tế và lưu trữ hồ sơ, trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế		02/ 15	01/ 15	01/ 15	Phục vụ cho kiểm dịch viên y tế lưu trú tại khu vực cửa khẩu trong khi làm nhiệm vụ.	Đối với các cửa khẩu xa trung tâm hành chính hoặc do yêu cầu làm việc thường xuyên tại cửa khẩu

¹ Cấp độ I: lưu lượng hành khách tại sân bay trên 30.000.000 lượt/ năm² Cấp độ II: lưu lượng hành khách tại sân bay từ 10.000.0000 đến 30.000.000 lượt/ năm³ Cấp độ III: lưu lượng hành khách tại sân bay dưới 10.000.000 lượt/ năm

ST T	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng / Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I ¹	Cấp độ II ²	Cấp độ III ³		
1.3	Kho hóa chất	Phòng	01/ 15	01/ 15		Phục vụ chứa hóa chất phục vụ xử lý y tế	
1.4	Kho trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ	Phòng	01/ 15	01/ 15		Phục vụ chứa các trang thiết bị, lưu trữ hồ sơ phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	
2	Phòng hành chính tại cửa khẩu	Phòng	01/ 20	01/ 20		Phục vụ chứa hóa chất phục vụ xử lý y tế	
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn						
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định	Khu vực	04 / 04	04 / 04	02/ 04	Phục vụ đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Đặt trước khu vực làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, đối với các sân bay có nhiều cửa cảng
4	Phòng khám sàng lọc tại cửa khẩu	Phòng	02/ 20	02/ 20	01/ 20	Phục vụ công tác khám sàng lọc, tiêm chủng, lấy mẫu xét nghiệm các trường hợp nghi ngờ được phát hiện tại cửa khẩu và làm một số xét nghiệm nhanh	01 phòng cho chiều nhập và 01 phòng cho chiều xuất
5	Phòng cách ly y tế tạm thời	Phòng	02/ 20	02/ 20	01/ 20	Phục vụ cách ly tạm thời người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	01 phòng cho chiều nhập và 01 phòng cho chiều xuất

ST T	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng / Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I ¹	Cấp độ II ²	Cấp độ III ³		
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)	Khu vực	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế	Phục vụ cách ly tạm thời người đi cùng với người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc trong trường hợp có số lượng phải cách ly tạm thời vượt quá số lượng của Phòng cách ly tạm thời	Sử dụng các cột và dây cảnh báo để thiết lập khu vực cách ly tạm thời khi phải cách ly tạm thời số lượng lớn
7	Phòng xử lý y tế	Phòng	01/20	01/20		Phục vụ công tác xử lý y tế với hàng hóa khối lượng nhỏ khi có nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	
8	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế (đối với phương tiện, hàng hóa)	Khu vực	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế	Phục vụ công tác xử lý y tế các phương tiện vận tải và hàng hóa có khối lượng lớn khi có nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	Dùng chung với khu xử lý của cửa khẩu

II. Tiêu chuẩn trang thiết bị

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
A	Nhóm hành chính điều hành						
1	Tại trụ sở làm việc khu vực cửa khẩu						
1.1	Phòng giao ban						
a)	Trang thiết bị cố định						
1.1.1	Bàn ghế	Bộ	01			Phục vụ họp, dùng chung cho kiểm dịch viên y tế tại cửa khẩu	Tối thiểu 20 người ngồi
1.1.2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	04				Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu
1.1.3	Giá đựng công văn đi, đến	Chiếc	01				Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu
1.1.4	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	01			Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
1.1.5	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	01				
1.1.6	Đường truyền internet	Đường truyền	01				Cáp quang tối thiểu 40MB/s
1.1.7	Thiết bị họp trực tuyến (màn hình, loa, micro, máy vi tính có tích hợp phần mềm họp trực tuyến)	Bộ	01			Phục vụ họp trực tuyến đối với các cửa khẩu ở xa trung tâm	
1.1.8	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02				Phù hợp với diện tích phòng làm việc

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
b)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: bảng mê ca, quạt điện, phích nước, két sắt, ...						Theo nhu cầu thực tế
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế (tính cho một phòng)						
a)	Trang thiết bị cố định						
1.2.1	<i>Giường đơn</i>	<i>Chiếc</i>	<i>04</i>			<i>Phục vụ kiểm dịch viên y tế lưu trú tại cửa khẩu</i>	
1.2.2	<i>Máy điều hòa nhiệt độ</i>	<i>Chiếc</i>	<i>01</i>				<i>Phù hợp với diện tích phòng</i>
1.2.3	<i>Tủ đựng quần áo</i>	<i>Chiếc</i>	<i>04</i>				<i>Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên trực tại cửa khẩu</i>
b)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: quạt điện, phích nước, ...						Theo nhu cầu thực tế
1.3	Kho đựng hóa chất						
	Trang thiết bị cố định						
1.3.1	<i>Giá đựng hóa chất</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>				
1.4	Kho/ phòng đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ					Có thể tách thành 2 kho/ phòng riêng biệt	
	Trang thiết bị cố định						
1.4.1	<i>Giá đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ</i>	<i>Bộ</i>	<i>01</i>				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
2	Phòng làm việc hành chính tại cửa khẩu						
a)	Trang thiết bị cố định						
2.1	Bàn ghế	Bộ	04			Phục vụ kiểm dịch viên y tế	
2.2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	04				
2.3	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	03			Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
2.4	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	03				
2.5	Máy phô tô	Chiếc	01				
2.6	Máy Scan	Chiếc	01				
2.7	Máy bộ đàm	Bộ	4-10				
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
2.8	Khẩu trang y tế	Chiếc					
2.9	Khẩu trang chuyên dụng ngăn vi rút	Chiếc					
c)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: internet, quạt điện, phích nước, máy lọc nước uống ...						Theo nhu cầu thực tế

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn						
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa cố định						
	Trang thiết bị cố định						
3.1	Giá treo máy	Chiếc	06				
3.2	Quầy quây chân máy (nếu có)	Chiếc	06				
3.3	Bàn, ghế làm việc	Bộ	02	01			
4	Phòng khám sàng lọc tại cửa khẩu						
a)	Trang thiết bị cố định						
4.1	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	01			Kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
4.2	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	01				
4.3	Bàn ghế	Bộ	01			Trang thiết bị dùng chung	
4.4	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02				
4.5	Đèn khử khuẩn	Chiếc	01				
4.6	Ti vi truyền thông	Chiếc	01				
4.7	Ghế băng	Chiếc	05			Phục vụ bệnh nhân trong lúc khám sàng lọc hoặc sơ cứu	
4.8	Giường bệnh	Chiếc	04				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
4.9	Tủ đầu giường	Chiếc	04			Thực vụ sơ cứu ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
4.10	Cáng bệnh nhân	Chiếc	02				
4.11	Cáng cách ly	Chiếc	02				
4.12	Cân bàn (loại có thước đo chiều cao)	Chiếc	01				
4.13	Xe lăn	Chiếc	02				
4.14	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	02				
4.15	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02				
4.16	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và trang thiết bị kèm theo	Bộ	02				
4.17	Khay Inox 15 cm x 20 cm	Chiếc	02				
4.18	Khay quả đậu Inox nhỏ	Chiếc	02				
4.19	Hộp Inox đựng bông cotton	Chiếc	02				
4.20	Búa phản xạ	Chiếc	02				
4.21	Panh mũi	Chiếc	02				
4.22	Kẹp có máu	Chiếc	02				
4.23	Kéo cong	Chiếc	02				
4.24	Kéo thẳng	Chiếc	02				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
4.25	Panh cong	Chiếc	02				
4.26	Panh thẳng	Chiếc	02				
4.27	Kẹp Inox	Chiếc	02				
4.28	Lọ inox đựng panh, kéo	Chiếc	02				
4.29	Huyết áp kế người lớn (bao gồm ống nghe)	Bộ	02			Phục vụ khám sàng lọc các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu	
4.30	Huyết áp kế trẻ em (bao gồm ống nghe)	Bộ	02				
4.31	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc	10				
4.32	Nhiệt kế điện tử y học cầm tay	Chiếc	10				
4.33	Bộ dụng cụ lấy mẫu bệnh phẩm	Bộ	02			Phục vụ lưu trữ bệnh phẩm tạm thời	
4.34	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	02			Phục vụ khử trùng dụng cụ	
4.35	Máy phân tích nước đa thông số	Chiếc	01			Phục vụ xét nghiệm nhanh phục vụ giám sát vệ sinh thực phẩm tại cửa khẩu	
4.36	Máy phân tích hóa sinh nhanh	Chiếc	01				
4.37	Máy phân tích thực phẩm nhanh	Chiếc	01				
4.38	Bộ xét nghiệm thực phẩm	Bộ	01				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
	nhanh						
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
4.39	Đè lưỡi tiệt trùng	Hộp	20			Phục vụ khám sàng lọc các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu	
4.40	Găng tay cao su	Đôi					
4.41	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc	02				
424	Áo Blouse	Chiếc	05				
4.43	Khẩu trang y tế	Chiếc	200				
4.44	Khẩu trang chuyên dụng ngừa vi rút	Chiếc	100				
4.45	Bình ô xy di động	Chiếc	04				
4.46	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc	30				
4.47	Khẩu trang y tế	Chiếc	200				
4.48	Khẩu trang chuyên dụng ngừa vi rút	Chiếc	100				
4.49	Bộ dụng cụ lấy mẫu bệnh phẩm	Bộ	02	02			
4.50	Dụng cụ chứa chất thải y tế	Chiếc	03				
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước, ...						

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
5	Phòng cách ly y tế tạm thời						
a)	Trang thiết bị cố định						
5.1	Bàn ghế	Bộ	01			Các trang thiết bị dùng chung	
5.2	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02				
5.3	Màn hình truyền thông	Chiếc	02				
5.4	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	01			Phục vụ xử lý y tế ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
5.5	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02				
5.6	Giường bệnh	Chiếc	05				
5.7	Tủ đầu giường	Chiếc	05				
b)	Vật tư tiêu hao						
5.8	Bình ô xy di động	Chiếc	04			Phục vụ xử lý y tế ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
5.9	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc	04				
5.10	Dụng cụ chứa chất thải của người bệnh	Chiếc	04				
5.11	Đèn khử khuẩn	Chiếc	02			Phục vụ khử trùng phòng cách ly y tế	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước, máy lọc nước uống ...						Theo nhu cầu thực tế
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)						
a)	Trang thiết bị cố định						
6.1	Ghế băng	Chiếc	50			Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.2	Màn hình truyền thông	Chiếc	02				
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
6.3	Cột dựng hàng rào thiết lập khu cách ly tạm thời	Cột				Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.4	Dây băng cảnh báo	m					
6.5	Lều dã chiến	Cái/ m ²					
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, quạt điện, máy lọc nước uống ...						Theo nhu cầu thực tế

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
7	Phòng xử lý y tế						Dùng chung với khu vực xử lý của cảng
a)	Trang thiết bị cố định						
7.1	Đèn tử ngoại tiệt trùng	Cái	05			Phục vụ khử trùng	
7.2	Khay khử khuẩn (0,5 m x 1 m)	Chiếc	20				
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
7.3	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ				Dùng cho nhân viên y tế	
7.4	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc					
8	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế						Có thể dùng chung với khu vực xử lý của cảng
a)	Trang thiết bị cố định						
8.1	Máy phun hóa chất khử khuẩn đeo vai	Chiếc	04			Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
8.2	Cột dựng hàng rào thiết lập khu xử lý y tế	Cột	50				
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
8.3	Cột dựng hàng rào thiết lập khu xử lý y tế	Cột	50	30	20	Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
8.3	Dây băng cảnh báo	m	100	60	40		
8.4	Biển cảnh báo	Chiếc	10	06	02		

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
8.5	Bạt lót gom nước xử lý y tế phương tiện vận chuyển người bệnh	Cái/ m ²	02/ 20	02/ 20			
9	Trang thiết bị phục vụ giám sát, khai báo y tế, kiểm tra y tế						
A	Đối với người						
	Trang thiết bị cố định						
9.1	Máy đo thân nhiệt từ xa cố định	Hệ thống	06 - 10			Phục vụ giám sát thân nhiệt hành khách	
9.2	Máy đo thân nhiệt từ xa lưu động	Chiếc	05				
9.3	Máy đo thân nhiệt cầm tay	Chiếc	5				
9.4	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc	10				
9.5	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	08 - 16			Phục vụ khách nhập cảnh khai báo y tế khi có yêu cầu của Bộ Y tế	
9.6	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	04 - 08				
9.7	Máy quét	Chiếc	04 - 08				
9.8	Máy tính bảng	Chiếc	04 - 08				
9.9	Hệ thống tích hợp quét tờ khai y tế và hộ chiếu	Bộ	02 - 04			Áp dụng cửa khẩu có lưu lượng hành khách lớn	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
B	Đối với hàng hóa, phương tiện vận tải						
	Trang thiết bị cố định						
9.10	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	04			Giám sát điều kiện vệ sinh	
9.11	Đèn pin	Chiếc	04				
C	Giám sát côn trùng (muỗi, bọ gậy, ...)						
	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
9.12	Bẫy muỗi	Chiếc	20			Giám sát muỗi, bọ gậy	
9.13	Bộ dụng cụ điều tra côn trùng	Bộ	04				
D	Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét						
a)	Trang thiết bị cố định						
9.14	Bẫy chuột	Chiếc	110			Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm.	10 bẫy dự phòng
9.15	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	05				
9.16	Đèn pin	Chiếc	05				
9.17	Thau chài bọ chét (đường kính 0,5 m)	Cái	04				
9.18	Khay Inox mổ chuột (kích thước 0,5 x 0,3m)	Cái	05				

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
9.19	Panh	Chiếc	05				
9.20	Kéo	Chiếc	02				
9.21	Dao mổ	Chiếc	02				
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
9.22	Túi vải đựng chuột	Chiếc	45			Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm	
9.23	Găng tay cao su	Đôi					
9.24	Bàn chải bắt bọ chét	Chiếc	10				
9.25	Ống hút bọ chét	Chiếc	01				
10	Phương tiện truyền thông						
a)	Trang thiết bị cố định						
10.1	Bảng truyền thông điện tử	Bộ	10			Phục vụ truyền thông cho hành khách qua cửa khẩu	
10.2	Bảng điện tử chạy chữ	Bộ	04				
10.3	Loa cầm tay	Chiếc	02				
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
10.4	Poster	Chiếc	06	04	02		
11	Trang thiết bị khử khuẩn/điệt côn trùng dùng chung khu vực cửa khẩu						
1	Máy phun hóa chất khử khuẩn cỡ lớn đặt trên ô tô	Chiếc	01			Phục vụ khử khuẩn/ diệt côn trùng dùng chung trong khu vực	Đặt tại Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới, các cửa khẩu

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cấp độ I	Cấp độ II	Cấp độ III		
2	Ô tô chuyên dụng đặt máy phun hóa chất cỡ lớn	Chiếc	01			cửa khẩu	dùng chung
3	Máy phun hóa chất đeo vai	Chiếc	04				
4	Bình phun hóa chất bơm tay	Chiếc	02 - 04				
5	Máy phun sương mù nóng	Chiếc	01				

Phụ lục 4

Tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu tại cửa khẩu đường thủy (tính cho 01 cửa khẩu)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17 /2021/TT-BYT ngày 09/ 1/2021 của Bộ Y tế)

I. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cảng biển loại I ¹	Cảng biển loại II/ đường sông ¹	Cảng biển loại III ¹		
A	Nhóm hành chính điều hành						
1	Trụ sở làm việc tại khu vực cửa khẩu	Phòng					
1.1	Phòng họp		01/ 50	01/ 30		Phục vụ công tác giao ban, trao đổi chuyên môn, phân công công việc hàng ngày của nhân viên kiểm dịch y tế và lưu trữ hồ sơ, trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế		02/ 15	02/ 15	01/ 15	Phục vụ cho kiểm dịch viên y tế lưu trú tại khu vực cửa khẩu trong khi làm nhiệm vụ.	Áp dụng đối với các cửa khẩu xa trung tâm hành chính hoặc do yêu cầu làm việc thường xuyên tại cửa khẩu

¹ Nghị định số 76/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định tiêu chí phân loại cảng biển Việt Nam.

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cảng biển loại I ¹	Cảng biển loại II/ đường sông ¹	Cảng biển loại III ¹		
1.3	Kho hóa chất	Phòng	01/ 15	01/ 15		Phục vụ chứa hóa chất phục vụ xử lý y tế	
1.4	Kho/ phòng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ	Phòng	01/15	01/ 15		Phục vụ chứa các trang thiết bị, lưu trữ hồ sơ phục vụ hoạt động kiểm dịch y tế tại cửa khẩu	Có thể tách thành 2 kho/ phòng riêng biệt
2	Phòng hành chính tại cửa khẩu	Phòng	01/ 20	01/ 15	01/ 10	Phục vụ công tác trao đổi trực tiếp với người khai báo kiểm dịch y tế tại cửa khẩu.	
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn						
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa lưu động	Khu vực	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế	Phục vụ đặt máy đo thân nhiệt từ xa giám sát người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh	Đặt trước khu vực lên, xuống của tàu thuyền
4	Phòng khám sàng lọc tại cửa khẩu	Phòng	01/ 20	01/ 20	01/ 20	Phục vụ công tác khám sàng lọc, tiêm chủng, lấy mẫu xét nghiệm các trường hợp nghi ngờ được phát hiện tại cửa khẩu và làm một số xét nghiệm nhanh	Trường hợp không tổ chức tiêm chủng, diện tích tối thiểu 15 m ²
5	Phòng cách ly y tế tạm thời	Phòng	01/ 20	01/ 15	01/ 15	Phục vụ cách ly tạm thời người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/ Diện tích (m ²)			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cảng biển loại I ¹	Cảng biển loại II/ đường sông ¹	Cảng biển loại III ¹		
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)	Khu vực	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế	Phục vụ cách ly tạm thời người đi cùng với người mắc, nghi ngờ mắc hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc trong trường hợp có số lượng phải cách ly tạm thời vượt quá số lượng của Phòng cách ly tạm thời	Sử dụng các cột và dây cảnh báo để thiết lập khu vực cách ly tạm thời khi phải cách ly tạm thời số lượng lớn
7	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế (đối với phương tiện, hàng hóa)	Khu vực	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế	Phục vụ công tác xử lý y tế các phương tiện vận tải và hàng hóa khi có nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	Có thể dùng chung với khu xử lý của cửa khẩu

II. Tiêu chuẩn trang thiết bị

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng			Mục đích sử dụng	Ghi chú
			Cảng biển loại I	Cảng biển loại II/ đường sông	Cảng biển loại III		
A	Nhóm hành chính điều hành						
1	Tại trụ sở làm việc khu vực cửa khẩu						
1.1	Phòng giao ban						
a)	Trang thiết bị cố định						
1.1.1	Bàn ghế	Bộ	01	01		Phục vụ họp, dùng chung cho kiểm dịch viên y tế tại cửa khẩu	
1.1.2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	04	02			Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu
1.1.3	Giá đựng công văn đi, đến	Chiếc	01	01			Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên tại cửa khẩu
1.1.4	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	01	01		Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
1.1.5	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	01	01			
1.1.6	Đường truyền internet	Đường truyền	01	01			Cáp quang tối thiểu 40MB/s
1.1.7	Thiết bị họp trực tuyến (màn hình, loa, micro, máy vi tính có tích hợp phần mềm họp trực tuyến)	Bộ	01	01		Phục vụ họp trực tuyến đối với các cửa khẩu ở xa trung tâm	
1.1.8	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02	01			Phù hợp với diện tích phòng làm việc
b)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác:						Theo nhu cầu thực tế

	bảng mê ca, quạt điện, phích nước, két sắt ...						
1.2	Phòng lưu trú cho kiểm dịch viên y tế (tính cho một phòng)						
a)	Trang thiết bị cố định						
1.2.1	Giường đơn	Chiếc	04	04	04	Phục vụ kiểm dịch viên y tế lưu trú tại cửa khẩu	
1.2.2	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	01	01	01		Phù hợp với diện tích phòng
1.2.3	Tủ đựng quần áo	Chiếc	04	04	04		Phù hợp với số lượng kiểm dịch viên trực tại cửa khẩu
b)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: quạt điện, phích nước, ...						Theo nhu cầu thực tế
1.3	Kho đựng hóa chất						
	Trang thiết bị cố định						
1.3.1	Giá đựng hóa chất	Bộ	01	01			
1.4	Kho/ phòng đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ					Có thể tách thành 2 kho/ phòng riêng biệt	
	Trang thiết bị cố định						
1.4.1	Giá đựng trang thiết bị, hồ sơ lưu trữ	Bộ	01	01			
2	Phòng làm việc hành chính tại cửa khẩu						
a)	Trang thiết bị cố định						
2.1	Bàn ghế	Bộ	04	02	02	Phục vụ kiểm dịch viên y tế	
2.2	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	04	02	01		

2.3	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	03	02	01	Phục vụ kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
2.4	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	03	02	01		
2.5	Điện thoại cố định/ di động	Chiếc	01	01	01		
2.6	Máy fax	Chiếc	01	01	01		
2.7	Máy phô tô	Chiếc	01	01	01		
2.8	Máy điều hòa nhiệt độ	Chiếc	01	01	01		Phù hợp với diện tích phòng
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
2.9	Khẩu trang y tế	Chiếc					
2.10	Khẩu trang chuyên dụng ngăn vi rút	Chiếc					
c)	Các trang thiết bị hỗ trợ khác: internet, quạt điện, phích nước, ...						Theo nhu cầu thực tế
B	Nhóm tác nghiệp chuyên môn						
3	Khu đặt máy đo thân nhiệt từ xa di động						Theo nhu cầu thực tế
4	Phòng khám sàng lọc tại cửa khẩu						
a)	Trang thiết bị cố định						
4.1	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	01	01	01	Kết nối thông tin và lưu trữ số liệu	
4.2	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	01	01	01		
4.3	Bàn ghế	Bộ	01	01	01	Trang thiết bị dùng chung	
4.4	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02	02	01		
4.5	Đèn khử khuẩn	Chiếc	01	01	01		

4.6	Ti vi truyền thông	Chiếc	01	01	01		
4.7	Ghế băng	Chiếc	05	05	02	Phục vụ bệnh nhân trong lúc khám sàng lọc hoặc sơ cứu	
4.8	Giường bệnh	Chiếc	04	02	01		
4.9	Tủ đầu giường	Chiếc	04	02	01		
4.10	Cáng bệnh nhân	Chiếc	02	02	01		
4.11	Cáng cách ly	Chiếc	02	01	01		
4.12	Cân bàn (loại có thước đo chiều cao)	Chiếc	01	01	01		
4.13	Xe lăn	Chiếc	02	02	01		
4.14	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	02	02	01	Phục vụ khám sàng lọc các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu	
4.15	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02	02	01		
4.16	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ và trang thiết bị kèm theo	Bộ	02	02	01		
4.17	Huyết áp kế người lớn (bao gồm ống nghe)	Bộ	02	02	01		
4.18	Huyết áp kế trẻ em (bao gồm ống nghe)	Bộ	02	02	01		
4.19	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc	10	05	03		
4.20	Nhiệt kế điện tử y học cầm tay	Chiếc	10	05	03		
4.21	Khay Inox 15 cm x 20 cm	Chiếc	02	02	01 - 02		
4.22	Khay quả đậu Inox nhỏ	Chiếc	02	02	01 - 02		
4.23	Hộp Inox đựng bông cotton	Chiếc	02	02	01 - 02		
4.24	Búa phản xạ	Chiếc	02	02	01 - 02		
4.25	Panh mũi	Chiếc	02	02	01 - 02		

4.26	Kẹp có mẫu	Chiếc	02	02	01 - 02		
4.27	Kéo cong	Chiếc	02	02	01 - 02		
4.28	Kéo thẳng	Chiếc	02	02	01 - 02		
4.29	Panh cong	Chiếc	02	02	01		
4.30	Panh thẳng	Chiếc	02	02	01		
4.31	Kẹp Inox	Chiếc	02	02	01		
4.32	Lọ inox đựng panh, kéo	Chiếc	02	02	01		
4.33	Hòm lạnh giữ mẫu bệnh phẩm	Chiếc	01	01	01	Phục vụ lưu trữ bệnh phẩm tạm thời	
4.34	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	02	02	02	Phục vụ khử trùng dụng cụ	
4.35	Máy phân tích nước đa thông số	Chiếc	01	01	01	Phục vụ xét nghiệm nhanh phục vụ giám sát vệ sinh thực phẩm tại cửa khẩu	
4.36	Máy phân tích hóa sinh nhanh	Chiếc	01	01	01		
4.37	Máy phân tích thực phẩm nhanh	Chiếc	01	01	01		
4.38	Bộ xét nghiệm thực phẩm nhanh	Bộ	01	01	01		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
4.39	Đè lưới tiệt trùng	Hộp	20	20	01	Phục vụ khám sàng lọc các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cửa khẩu	
4.40	Găng tay cao su	Đôi					
4.41	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc	02	02	01-02		
4.42	Áo Blouse	Chiếc	05	03	02		
4.43	Bình ô xy di động	Chiếc					
4.44	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc					

4.45	Khẩu trang y tế	Chiếc					
4.46	Khẩu trang chuyên dụng ngừa vi rút	Chiếc					
4.47	Bộ dụng cụ lấy mẫu bệnh phẩm	Bộ					
4.48	Dụng cụ chứa chất thải y tế	Chiếc					
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước, ...						Theo nhu cầu thực tế
5	Phòng cách ly y tế tạm thời						
a)	Trang thiết bị cố định						
5.1	Bàn ghế	Bộ	01	01	01	Các trang thiết bị dùng chung	
5.2	Điều hòa nhiệt độ	Chiếc	02	02	01		
5.3	Màn hình truyền thông	Chiếc	02	01	01		
5.4	Tủ đựng thuốc + dụng cụ sơ cấp cứu	Chiếc	01	01	01	Phục vụ xử lý y tế ban đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
5.5	Túi cấp cứu ban đầu	Bộ	02	02	01		
5.6	Giường bệnh	Chiếc	05	03	01		
5.7	Tủ đầu giường	Chiếc	05	03	01		
5.8	Đèn khử khuẩn phòng cách ly	Chiếc	02	02	01	Phục vụ khử trùng phòng cách ly y tế	
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
5.9	Bình ô xy di động	Chiếc	04	02	02	Phục vụ xử lý y tế ban	

5.10	Quả bóp cao su lớn, nhỏ	Chiếc	04	02	02	đầu đối với bệnh nhân khi cần thiết	
5.11	Dụng cụ chứa chất thải của người bệnh	Chiếc	04	02	01		
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, hóa chất khử khuẩn chất thải y tế, quạt điện, phích nước, ...						Theo nhu cầu thực tế
6	Khu cách ly y tế tạm thời (đối với người)						
a)	Trang thiết bị cố định						
6.1	Ghế băng	Chiếc	50	20	05	Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.2	Màn hình truyền thông	Chiếc	02	01	01		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
6.3	Cột dựng hàng rào thiết lập khu cách ly tạm thời	Cột	300	300	50	Phục vụ hành khách chờ khám sàng lọc	
6.4	Dây băng cảnh báo	m	600	600	100		
6.5	Lều dã chiến	Cái/ m ²	02/20-25 m ²	02/20-25 m ²			
c)	Các trang thiết bị, vật tư tiêu hao khác: internet, hóa chất sát khuẩn tại chỗ, quạt điện, máy lọc nước uống ...						Theo nhu cầu thực tế
7	Phòng xử lý y tế						
a)	Trang thiết bị cố định						

7.1	Đèn tử ngoại tiệt trùng	Cái	05	03	01	Phục vụ khử trùng	
7.2	Khay khử khuẩn (0,5m x 1m)	Chiếc	20	20	20		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
7.3	Bộ trang phục phòng hộ	Chiếc				Dùng cho nhân viên y tế	
7.4	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ					
8	Khu cách ly để kiểm tra, xử lý y tế						
a)	Trang thiết bị cố định						
8.1	Máy phun hóa chất khử khuẩn đeo vai	Chiếc	04	02	01	Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
8.2	Cột dựng hàng rào thiết lập khu xử lý y tế	Cột	40	20	10	Phục vụ khử trùng phương tiện vận tải, hàng hóa	
8.3	Dây băng cảnh báo	m	100	50	30		
8.4	Biển cảnh báo	Chiếc	10	06	02		
8.5	Bạt lót gom nước xử lý y tế phương tiện vận chuyển người bệnh	Cái/ m ²					
9	Trang thiết bị phục vụ giám sát, khai báo y tế, kiểm tra y tế						
A	Đối với người						
	Trang thiết bị cố định						
9.1	Máy đo thân nhiệt từ xa di động	Hệ	02	02	01	Phục vụ giám sát thân	

		thống				nhiệt hành khách	
9.2	Máy đo thân nhiệt cầm tay	Chiếc	5	5	02		
9.3	Nhiệt kế thủy ngân y học	Chiếc	10	05	03		
9.4	Máy vi tính để bàn/ xách tay	Bộ	08	04	02	Phục vụ khách nhập cảnh khai báo y tế khi có yêu cầu của Bộ Y tế	Không sử dụng thường xuyên, có thể áp dụng hình thức mua hoặc thuê khi cần thiết
9.5	Máy in màu/ đen trắng	Chiếc	04	02	02		
9.6	Máy quét	Chiếc	04	02	02		
9.7	Máy tính bảng	Chiếc	04	02	02		
B	Đối với hàng hóa, phương tiện vận tải						
a)	Trang thiết bị cố định						
9.8	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	04	03	02	Giám sát điều kiện vệ sinh	
9.9	Đèn pin	Chiếc	04	03	02		
9.10	Ổng nhôm	Chiếc	04	02	01		
9.11	Ca nô	Chiếc	01	01	01		
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
9.12	Áo phao	Chiếc				Giám sát điều kiện vệ sinh	
C	Giám sát côn trùng (muỗi, bọ gậy,...)						
	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
9.13	Bẫy muỗi	Chiếc	20	10		Giám sát muỗi, bọ gậy	
9.14	Bộ dụng cụ điều tra côn trùng	Bộ	04	04			

D	Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét						
a)	Trang thiết bị cố định						
9.15	Bẫy chuột	Chiếc	200	100			Theo nhu cầu thực tế
9.16	Đèn cực tím kiểm tra vệ sinh	Chiếc	05	05		Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm	
9.17	Đèn pin	Chiếc	05	05			
9.18	Thau chải bọ chét (đường kính 0,5 mét)	Cái	04	04			
9.19	Khay Inox mô chuột (kích thước 0,5 x 0,3 m)	Cái	05	05			
9.20	Panh	Chiếc	05	05			
9.21	Kéo	Chiếc	02	02			
9.22	Dao mổ	Chiếc	02	02			
9.23	Máy phun hóa chất diệt chuột	Chiếc	02	02			
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
9.24	Túi vải đựng chuột	Chiếc	45	30		Giám sát động vật gặm nhấm, bọ chét và lấy mẫu bệnh phẩm	
9.25	Găng tay cao su	Đôi					
9.26	Bàn chải bắt bọ chét	Chiếc					
9.27	Ống hút bọ chét	Chiếc	01	01			
9.28	Bạt phủ (áp dụng phương pháp xông hơi diệt chuột trên tàu thuyền)	m ²					
9.29	Hóa chất hun diệt chuột	Lọ	02	01			

10	Phương tiện truyền thông						
a)	Trang thiết bị cố định						
10.1	Bảng truyền thông điện tử	Bộ	04	02	01	Phục vụ truyền thông cho hành khách qua cửa khẩu	
10.2	Bảng điện tử chạy chữ	Bộ	04	02	01		
10.3	Loa cầm tay	Chiếc	02	01			
b)	Vật tư tiêu hao						Theo nhu cầu thực tế
10.4	Poster	Chiếc	06	04	02		
11	Trang thiết bị khử khuẩn/điệt côn trùng dùng chung khu vực cửa khẩu						
	Trang thiết bị cố định						
11.1	Máy phun hóa chất khử khuẩn cỡ lớn đặt trên ô tô	Chiếc	02	01		Phục vụ khử khuẩn/ diệt côn trùng dùng chung trong khu vực cửa khẩu	Đặt tại Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới, các cửa khẩu dùng chung
11.2	Ô tô chuyên dụng đặt máy phun hóa chất cỡ lớn	Chiếc	02	01			
11.3	Máy phun hóa chất đeo vai	Chiếc	05	02	01		
11.4	Bình phun hóa chất bơm tay	Chiếc	02				
11.5	Máy phun sương mù nóng	Chiếc	01				